TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN** T **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày 21 - 01 - 2020
"T*/c hợp đồng góp hụi* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **-TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Kỉnh.
Ông Trần Văn Nhị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2019/TLST–DS ngày 12/12/2019 về Tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2019/QĐXX-ST ngày 30/12/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (*có mặt*)

Bị đơn: Bà bà Huỳnh Thị Thúy H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (*có mặt*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn là bà Trần Thị L trình bày: Bà L có tham gia góp ba dây hụi 1.000.000 đồng mỗi tháng khui một lần do bà Huỳnh Thị Thúy H làm chủ hụi, hụi hoa hồng và có lãi, trong danh sách hụi viên bà H ghi tên chồng bà L là "3 Cẩn".

Dây hụi thứ nhất, hụi bỏ thăm lần đầu vào ngày 05 tháng 7 âm lịch năm 2017, dây hụi có 26 phần, bà L tham gia 01 phần, đóng đủ 25 kỳ, bà L là người nhận hụi cuối với số tiền là 25.000.000 đồng. Hụi đã mãn vào ngày 25-7-2019 nhưng bà H chưa giao hụi.

Dây hụi thứ hai, hụi bỏ thăm lần đầu vào ngày 15 tháng 01 âm lịch năm 2018, dây hụi có 25 phần, bà L tham gia 01 phần, đóng được 18 kỳ hụi thì hụi bị ngưng, số tiền đóng từng kỳ không nhớ. Bà L yêu cầu bà H trả lại tiền hụi đã góp theo mức đóng bình quân là 700.000 đồng/kỳ hụi, số tiền bà H phải trả là 12.600.000 đồng.

Dây hụi thứ ba, hụi bỏ thăm lần đầu vào ngày 05 tháng 3 âm lịch năm 2019, không rõ dây hụi có bao nhiêu phần vì bà H chưa giao danh sách hụi viên. Bà L tham gia 01 phần, đóng được 04 kỳ hụi thì hụi bị ngưng, số tiền đóng từng kỳ hụi không nhớ. Bà L yêu cầu bà H trả lại theo mức đóng bình quân là 700.000 đồng/kỳ hụi với số tiền là 2.800.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà L yêu cầu ông Trịnh Văn Đ là chồng của bà H phải liên đới cùng bà H trả nợ.

Tại Bản tự khai ngày 27-12-2019 và trong quá trình tố tụng, bị đơn là bà Huỳnh Thị Thúy H trình bày: Bà L có tham gia ba dây hụi 1.000.000 đồng mỗi tháng khui một lần do bà H làm chủ hụi, hụi hoa hồng và có lãi. Dây hụi thứ nhất, bỏ thăm khui lần đầu vào ngày 05 tháng 7 âm lịch năm 2017 có 26 phần, bà L tham gia 01 phần và đã đóng 25 kỳ và bà L là người hốt hụi cuối với số tiền là 25.000.000 đồng, trừ 350.000 đồng tiền hoa hồng thì bà L được nhận là 24.650.000 đồng nhưng bà H chưa giao hụi cho Lâm vì hụi viên không đóng đủ. Bà H đề nghị bà L cho trả theo mức vốn đóng hụi bình quân là 700.000 đồng/kỳ hụi. Dây hụi thứ hai, bỏ thăm khui lần đầu vào ngày 15 tháng 01 âm lịch năm 2018, bà L tham gia 01 phần, đóng được 18 kỳ và dây hụi thứ ba bỏ thăm khui lần đầu là ngày 05 tháng 3 âm lịch năm 2019, bà L tham gia 01 phần và đóng được 04 kỳ thì hụi bị ngưng. Bà H đồng ý trả lại tiền góp hụi theo mức đóng bình quân là 700.000 đồng/kỳ như bà L yêu cầu và xin trả dần. Mục đích bà H tổ chức góp hụi là để tạo thu nhập lo cho gia đình và con. Chồng của bà H là ông Đ không cho bà H chơi hụi, không biết bà H tổ chức góp hụi nên ông Đ không liên quan, bà H chịu trách nhiệm trả hết tiền hụi cho bà L.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12-12-2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Văn Đ trình bày: Ông Đ là chồng của bà Huỳnh Thị Thúy H, từ trước đến nay vợ chồng ông sống chung tại ấp 3, xã Mỹ An, huyện T, tỉnh Long An. Trước đây khoảng 4 năm khi biết bà H tổ chức góp hụi thì ông Đ đã ngăn cản không cho bà H tham gia góp hụi, tổ chức góp hụi, vì vậy ông không đồng ý cùng bà H trả tiền góp hụi cho bà L. Ông Đ không có liên quan đến việc chơi hụi giữa bà H với bà L, ông xin vắng mặt các phiên hòa giải, đối chất và xét xử của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án thì yêu cầu của bà L là có cơ sở, căn cứ Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Việc bà H tổ chức góp hụi nhằm để hưởng tiền hoa hồng tạo thêm thu nhập cho gia đình, bà H không sử dụng vào mục đích riêng, vì vậy căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình, buộc ông Đ phải liên đới cùng bà H trả tiền hụi cho bà L. Việc bà H xin trả dần tiền hụi không có căn cứ để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định tranh chấp giữa bà Trần Thị L với bà Huỳnh Thị Thúy H, ông Nguyễn Văn Đ là tranh chấp hợp đồng góp hụi. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Văn Đ đề

nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L: Theo lời trình bày của bà L và bà H cùng tài liệu do bà L cung cấp thể hiện vào năm 2017, 2018 và đầu năm 2019 bà L tham gia ba dây hụi 1.000.000 đồng do bà H làm chủ hụi, hụi mỗi tháng khui một lần, hụi hoa hồng và có lãi. Cụ thể:

Dây hụi thứ nhất có 26 phần, bà L tham gia 01 phần, bỏ thăm khui hụi lần đầu vào ngày 05 tháng 7 âm lịch năm 2017, bà L đóng đủ 25 kỳ, dây hụi này đã mãn ngày 25-8-2019. Bà L là người hốt hụi cuối, trừ 350.000 đồng tiền hoa hồng thì bà L được nhận 24.650.000 đồng nhưng bà H chưa giao tiền hụi cho bà L. Bà H đề nghị bà L cho trả theo mức vốn đóng hụi là 700.000 đồng/kỳ hụi nhưng bà L không đồng ý.

Dây hụi thứ hai bỏ thăm khui hụi lần đầu là ngày 15 tháng 01 âm lịch năm 2018, bà L tham gia 01 phần và đóng được 18 kỳ hụi thì hụi bị ngưng. Dây hụi thứ ba bỏ thăm lần đầu là ngày 05 tháng 3 âm lịch năm 2019, bà L tham gia 01 phần, đóng được 04 kỳ hụi thì hụi bị ngưng. Tại phiên tòa bà L và bà H thống nhất hai dây hụi bị ngưng này bà H trả lại bà L số tiền hụi đã đóng theo mức đóng bình quân là 700.000 đồng/kỳ hụi, số tiền bà H phải trả bà L là 15.400.000 đồng.

Xét thấy dây hụi thứ nhất bỏ thăm lần đầu vào ngày 05 tháng 7 âm lịch năm 2017, hụi mãn ngày 25 tháng 8 âm lịch năm 2019, bà L là người được nhận hụi cuối nhưng bà H không giao hụi cho bà L là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ. Do đó bà L yêu cầu bà H phải giao 24.650.000 đồng tiền hụi là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 26 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ nên được chấp nhận. Đối với hai dây hụi còn lại thì bà L và bà H đã thống nhất là bà H trả lại bà L số tiền là 15.400.000 đồng nên ghi nhận. Như vậy tổng số tiền hụi bà H phải trả cho bà L là 40.050.000 đồng.

[3] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà L yêu cầu ông Trịnh Văn Đ là chồng của bà H phải liên đới cùng bà H trả nợ nhưng ông Đ không đồng ý. Ông Đ và bà H cho rằng khi ông Đ biết bà H tổ chức góp hụi thì ông Đ đã ngăn cản không cho bà H tổ chức, tham gia góp hụi nên ông Đ không có liên quan. Xét thấy giao dịch góp hụi giữa bà H và bà L không thể hiện có ông Đ tham gia nhưng được giao kết và thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông Đ đang tồn tại, bà H trình bày mục đích bà H tổ chức góp hụi nhằm để hưởng tiền hoa hồng tạo thêm thu nhập cho gia đình và lo cho con ăn học. Ông Đ không chứng minh được khoản tiền thu nhập từ việc làm hụi bà H sử dụng vào mục đích riêng, vì vậy được xem là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình, buộc ông Đ phải liên đới cùng bà H trả tiền hụi cho bà L.

[4] Về việc xin trả dần tiền hụi của bà H: Bà H xin trả dần nhưng là Lâm không đồng ý, do hiện tại các dây hụi đã kết thúc và pháp luật không có quy định khác nên không có căn cứ để cho bà H và ông Đ trả dần tiền hụi.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà H và ông Đ phải chịu toàn bộ tiền án phí là 2.002.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 15, Điều 26 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị L đối với bà Huỳnh Thị Thúy H, ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc Huỳnh Thị Thúy H và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới trả bà Trần Thị L số tiền góp hụi là 40.050.000 (Bốn mươi triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thúy H và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới chịu 2.002.500 (Hai triệu không trăm lẻ hai ngàn năm trăm) đồng.

Bà Trần Thị L không phải chịu án phí, hoàn trả bà Trần Thị L 1.175.000 (Một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004829 ngày 09-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21-01-2020. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiến